

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH A  
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2020/HN-ST

Ngày: 17/8/2020.

V/v: “Tranh chấp về ly hôn,  
nuôi con”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Minh Mẫn.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

**1. Bà Nguyễn Ngọc Tài**

**2. Ông Cao Văn Chuộng**

*- Thư ký phiên tòa:* Ông Huỳnh Hoàng Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A.

Ngày 17 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 42/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2020 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2020/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Lê H.

Địa chỉ: số 337/27, đường V, phường K, thành phố B, tỉnh Đ. **Vắng mặt.**

*2. Bị đơn:* Anh Thạch M.

Địa chỉ: ấp A, thị trấn B, huyện CTA, tỉnh H. **Vắng mặt.**

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn Lê Thị Lê H trình bày:* Chị và anh Thạch M chung sống với nhau từ năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, thành phố B, tỉnh Đ vào năm 2012. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường hay cự cãi gây mất hạnh phúc và đã sống ly thân từ cuối năm 2016 cho đến nay. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị và anh M được ly hôn.

Về con chung: Thời gian chung sống chị và anh M có 02 con chung tên Thạch Lê Phương U, sinh ngày 10/6/2011 và Thạch Lê Đại Q, sinh ngày 13/01/2014, hiện

tại cháu U đang sống chung với chị, còn cháu Q đang sống chung với anh M kể từ lúc ly thân cho đến nay. Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung tên Thạch Lê Phương U, đồng ý để anh M được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Thạch Lê Đại Q, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn **anh Thạch M** trình bày: Anh và chị H chung sống từ năm 2010, có đăng ký kết hôn nhưng không có tổ chức lễ cưới. Anh và chị H chung sống đến năm 2016 thì ly thân nguyên nhân bất đồng quan điểm, thường hay cự cãi, hiện tại anh cũng không còn tình cảm gì với chị H nên việc chị H yêu cầu ly hôn anh thống nhất. Về con chung có 02 con là Thạch Lê Phương U, sinh năm 2011 và Thạch Lê Đại Q, sinh năm 2014, hiện tại anh đang nuôi dưỡng cháu Q, anh yêu cầu được nuôi cả 02 con chung sau khi ly hôn, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Không có. Về nợ chung: không có

Tại phiên tòa: Chị Lê Thị Lệ H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Anh Thạch M tiếp tục vắng mặt nên không thể phát biểu yêu cầu nào mới.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

#### **Về thủ tục tố tụng:**

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp. Căn cứ theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, bản tự khai của bị đơn Tòa xác định mối quan hệ pháp luật tranh chấp cần phải giải quyết trong vụ án là “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con” theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết. Bị đơn trong vụ án là anh Thạch M hiện tại có nơi cư trú tại ấp A, thị trấn B, huyện CTA, tỉnh H. Theo quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A.

[3]. Về xét xử vắng mặt. Anh Thạch M là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt.

#### **Về nội dung tranh chấp:**

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh M chung sống với nhau từ năm 2010, có tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Chị và anh M chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường hay cự cãi dẫn đến mất hạnh phúc gia đình, cả hai đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay nhưng không tạo điều kiện để hàn gắn thể hiện mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, chị có yêu cầu ly hôn và anh M cũng thống nhất ly hôn, căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình 2014 Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Lệ H và anh Thạch M.

[2]. Về con chung: Chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu U, anh M yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung. Xét yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung của chị H và anh M, Hội đồng xét xử xét thấy chị và anh M sống với nhau có 02 con chung tên Thạch Lê Phương U, giới tính: Nữ, sinh ngày 10/6/2011 và Thạch Lê Đại Q, giới tính: Nam, sinh ngày 13/01/2014, từ lúc ly thân đến nay cháu U chung sống với chị H, anh M không thường tới lui thăm nom, chăm sóc con chung. Hơn nữa, cháu U hiện tại đã trên 7 tuổi, theo quy định tại Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình thì việc giao cháu cho ai được trực tiếp nuôi dưỡng phải xem xét nguyện vọng của cháu và tại Tờ nêu ý kiến ngày 09/3/2020 của cháu U thể hiện nếu cha mẹ không sống chung nữa thì cháu có nguyện vọng được sống với mẹ. Vì vậy việc chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu U là phù hợp với nguyện vọng của cháu nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với cháu Q chị H thống nhất giao cho anh M được trực tiếp nuôi dưỡng và anh M cũng có yêu cầu được trực tiếp nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của chị H

[3]. Về tài sản chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc chị Lê Thị Lệ H chịu án phí theo mức không có giá ngạch.

*Vì các lẽ trên.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ **Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 150, Khoản 2 Điều 227, Điều 228** Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các **Điều 55, 81, 82, 83** Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Danh mục mức án phí kèm theo.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Lệ H và anh Thạch M.

2. Về con chung: Giao con chung tên Thạch Lê Phương U. Giới tính: Nữ. Sinh ngày 10/6/2011 cho chị Lê Thị Lệ H được trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Thạch Lê Đại Q. Giới tính: Nam. Sinh ngày 13/01/2014 cho anh Thạch M được trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H, anh M không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Lê Thị Lệ H, anh Thạch M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Buộc chị Lê Thị Lệ H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Chuyển 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai thu số 0002196 ngày 17/02/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành án phí. Chị Lê Thị Lệ H không phải nộp thêm.

6. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Châu Thành A
- Chi cục THA dân sự huyện Châu Thành A
- UBND phường K, TP. B.
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ, VP.

**Trần Minh Mẫn**